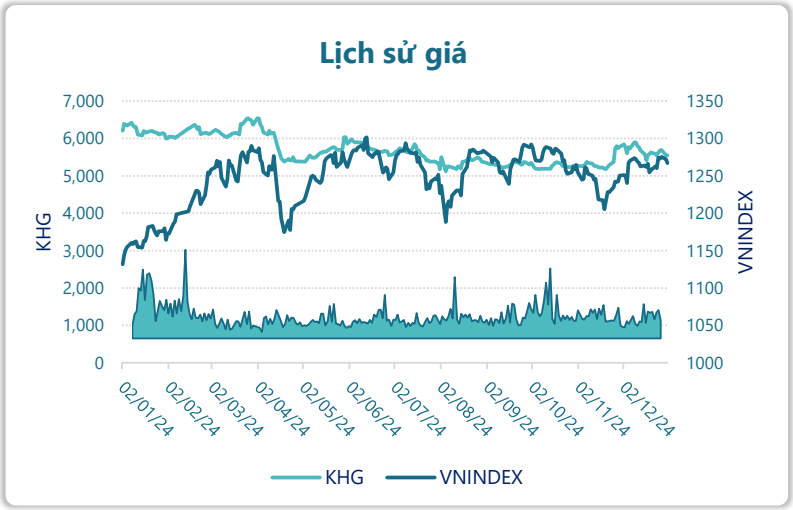
FireAnt

CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,550**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,540
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,120
SL cổ phiếu LH	449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,373,260
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,494
P/E	44.0
EPS	126

DT thuần

Q4/24

114

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.0| 65.1%

YoY: ▲ 82.6| 263%

LN sau thuế

Q4/24

13.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.20| -8.1%

YoY: ▲ 5.58| 75.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

61.6%

+/- YoY: ▲ 15.9%

DT thuần

2024

310

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.0| -6.3%

LN sau thuế

2024

56.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.3| 124%

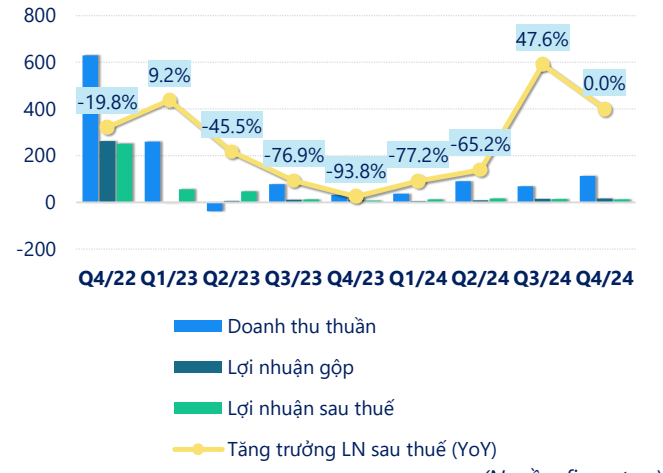
ROE

2024

1.1%

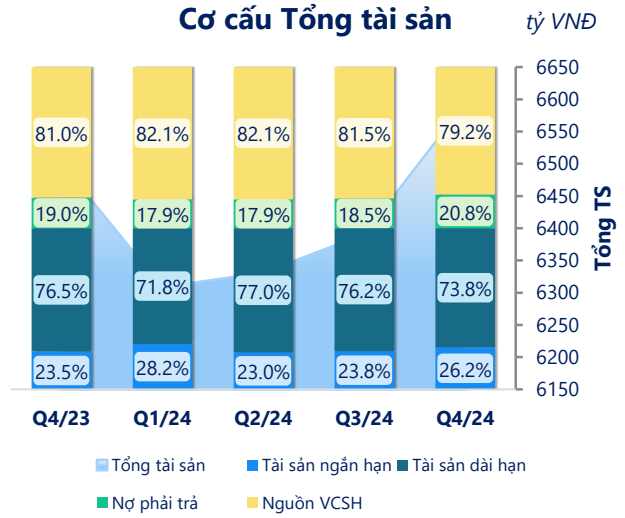
+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh



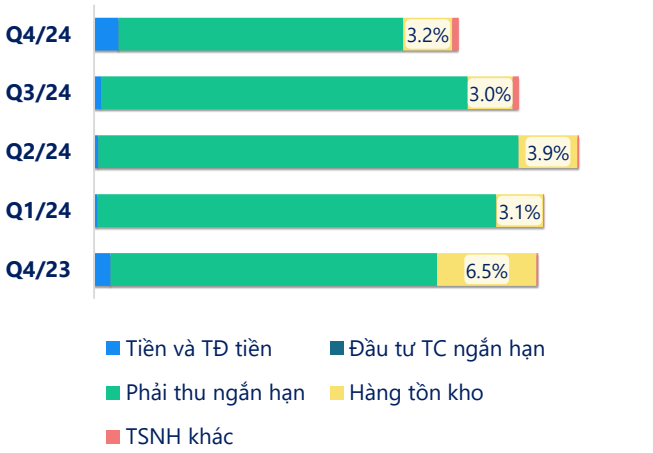
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



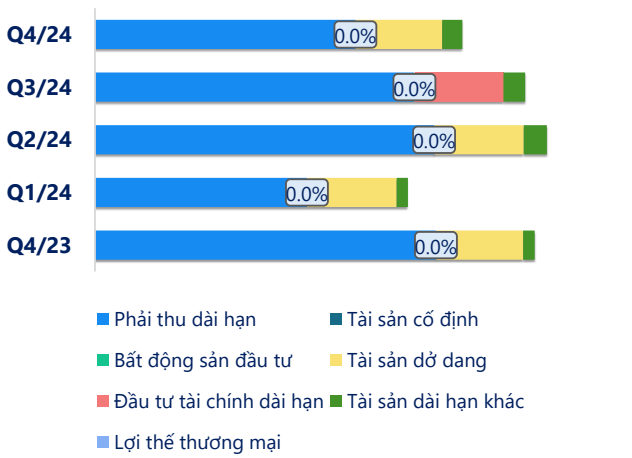
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



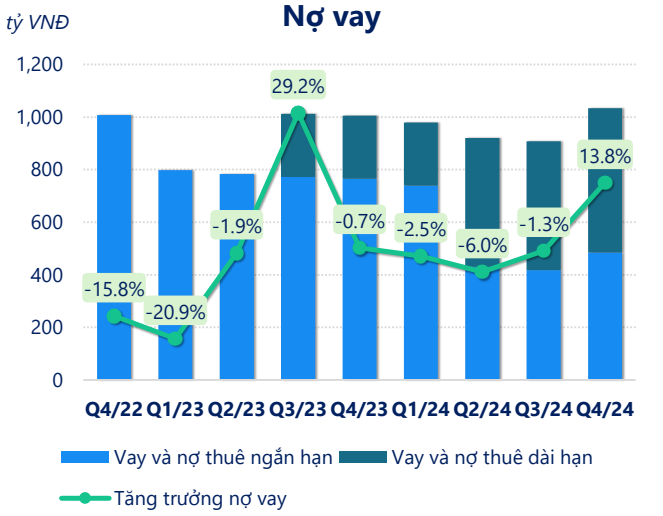
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



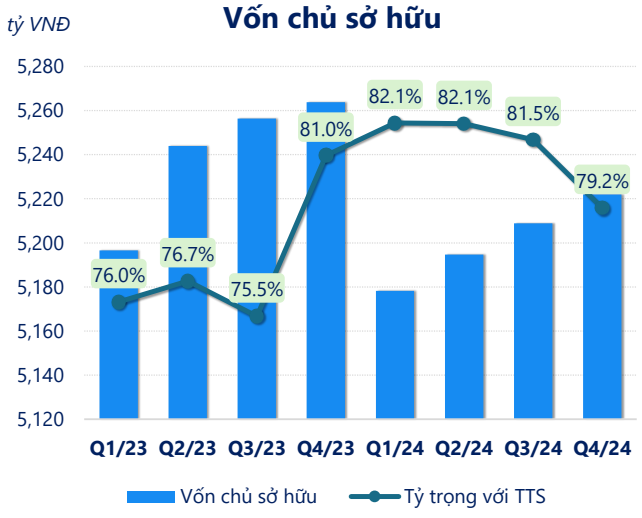
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



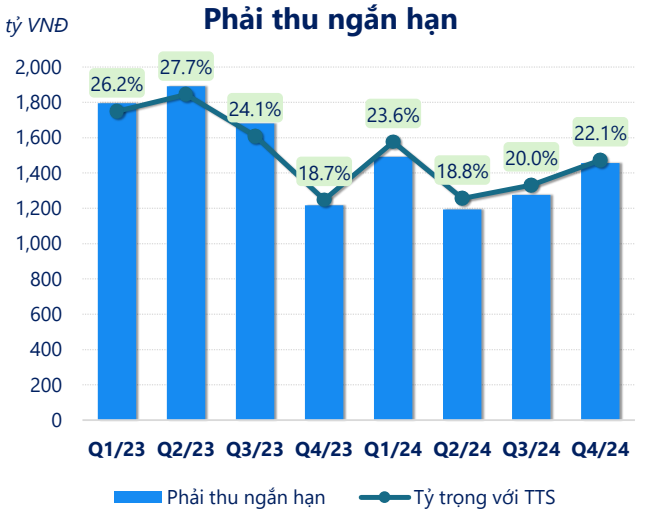
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



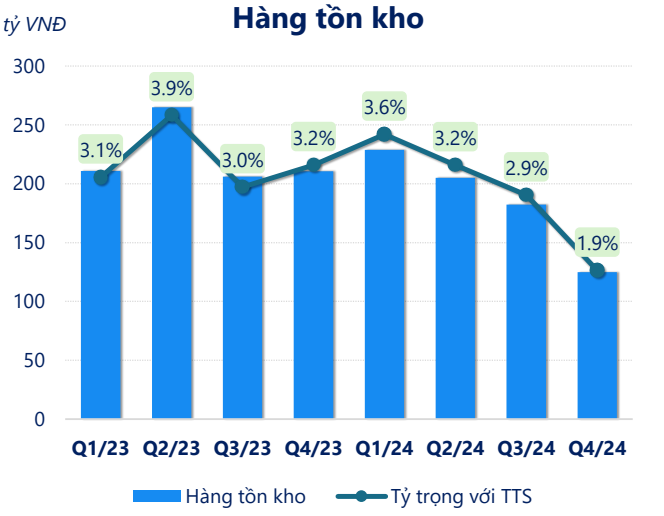
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



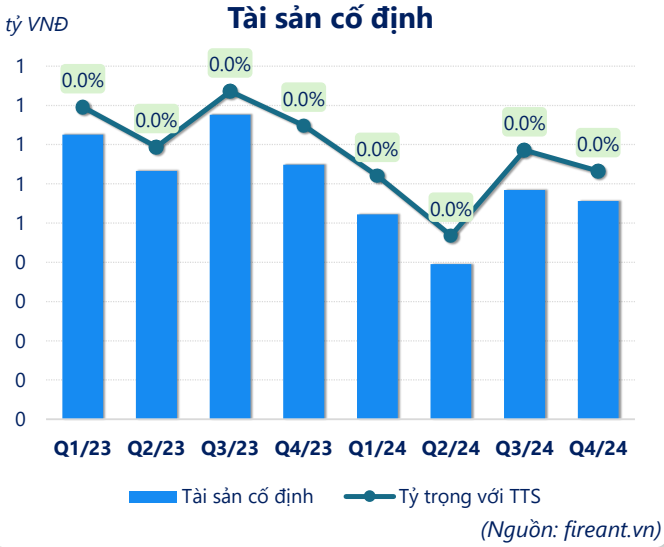
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



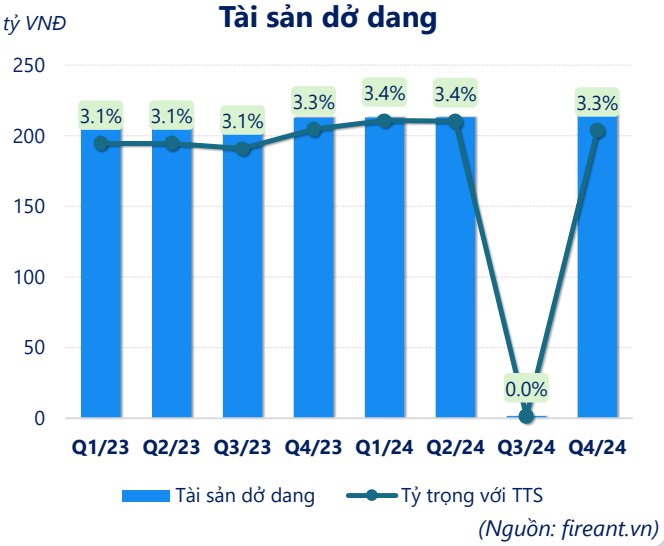
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



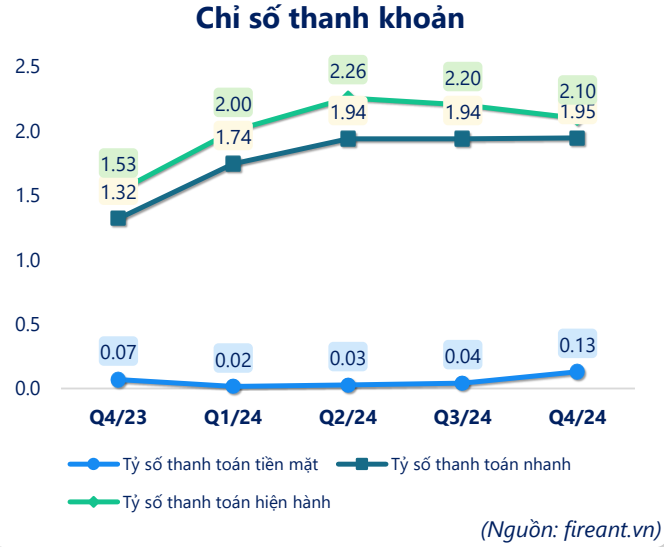
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



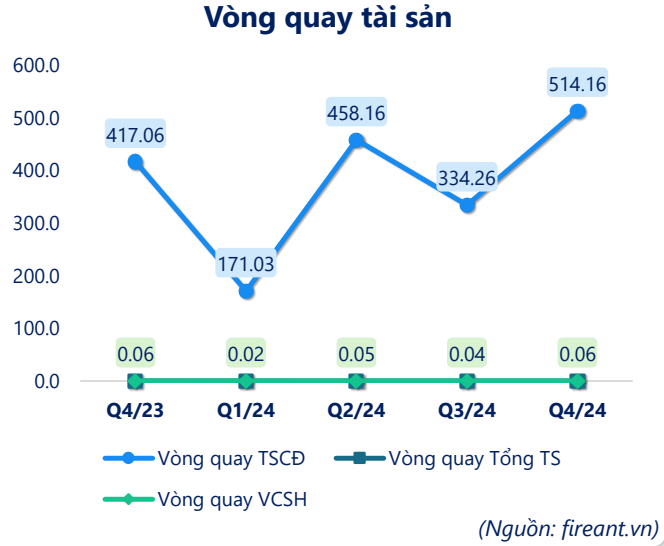
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**6,501**	**6,309**	**6,331**	**6,391**	**6,594**
Tài sản ngắn hạn	**1,525**	**1,781**	**1,456**	**1,522**	**1,726**
Tiền và tương đương tiền	70.1	14.3	17.6	29.4	107
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	20.0	20.0	21.1
Phải thu ngắn hạn	1,217	1,492	1,193	1,276	1,457
Hàng tồn kho	211	229	205	182	125
Tài sản ngắn hạn khác	26.8	25.7	21.1	14.6	16.4
Tài sản dài hạn	**4,976**	**4,528**	**4,875**	**4,869**	**4,868**
Phải thu dài hạn	4,734	4,288	4,606	4,602	4,602
Tài sản cố định	0.65	0.52	0.40	0.58	0.56
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	213	213	213	1.52	215
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	212	0
Tài sản dài hạn khác	28.6	26.8	55.3	52.7	50.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,237**	**1,131**	**1,136**	**1,182**	**1,372**
Nợ ngắn hạn	**996**	**890**	**646**	**691**	**823**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	765	739	430	418	485
Phải trả người bán ngắn hạn	65.3	10.3	16.1	15.8	22.1
Nợ dài hạn	241	241	491	491	549
Vay và nợ thuê dài hạn	240	240	490	490	548
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,264**	**5,178**	**5,195**	**5,209**	**5,222**
Vốn chủ sở hữu	**5,264**	**5,178**	**5,195**	**5,209**	**5,222**
Vốn điều lệ	4,494	4,494	4,494	4,494	4,494
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)